

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14/9/2020

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phúc An Hoành;

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Tấn

2. Bà Ma Khánh Ly

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Văn Tiến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2020/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020 và các Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/8/2020, số: 22/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03/9/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Tô Thị T, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện C, tỉnh T (*Có mặt*).

2. *Bị đơn:* Anh Triệu Văn D, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện C, tỉnh T (*Vắng mặt, phiên tòa triệu tập hợp lệ lần thứ 02*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/5/2020, bản tự khai, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Tô Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Triệu Văn D được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương năm 2006, đến năm 2016 anh chị đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã

H, huyện C, tỉnh T. Việc cưới hỏi, kết hôn đều dựa trên tình thân tự nguyện, không bị ai cưỡng ép, lừa dối. Từ khi cưới hỏi đến sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại thôn N, xã H, huyện C, tỉnh T. Chị và anh D chung sống hòa thuận đến năm 2013 thì nảy sinh mâu thuẫn do anh D ghen tuông vô cớ, khi uống rượu say về đã đánh chị, dẫn đến cuộc sống vợ chồng căng thẳng, do không tiếp tục chung sống cùng nhau được nên anh D đã dỡ ngôi nhà gỗ anh chị đang ở để chuyển đến quê anh D tại xã T, huyện C tạo dựng nơi ở mới. Thời điểm đó chị đang có thai đứa con thứ hai. Chị và anh D sống ly thân đến cuối năm 2014 thì trở lại đoàn tụ. Năm 2016 chị và anh D đăng ký kết hôn theo quy định và tiếp tục chung sống hòa thuận đến tháng 10 năm 2019 mâu thuẫn lại nảy sinh. Nguyên nhân do anh D ghen tuông vô cớ, đánh đập chị, anh D không cùng chị chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống, không quan tâm, chăm lo cho gia đình, con cái. Chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh D không có hạnh phúc, không đạt được mục đích xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc, tiến bộ. Chị xin ly hôn với anh Triệu Văn D.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh D có hai con chung là Triệu Thanh T1, sinh ngày 13/5/2007 và Triệu Thanh L, sinh ngày 02/10/2014. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi hai con chung.

- Về tài sản, nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Triệu Văn D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Tô Thị T được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán năm 2006 đến năm 2016 anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C, tỉnh T. Vợ chồng anh chung sống với nhau tại thôn N, xã H, huyện C, tỉnh T. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2013 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh nghi ngờ chị T có quan hệ ngoại tình nên giữa anh và chị T đã xảy ra cãi vã, xô xát. Trong lúc nóng giận anh đã đánh chị T. Do cuộc sống vợ chồng căng thẳng nên anh đã dỡ ngôi nhà gỗ mà vợ chồng đang ở để chuyển đến sinh sống tại xã T, huyện C. Khoảng cuối năm 2014 anh và chị T lại trở lại đoàn tụ và đi đăng ký kết hôn năm 2016. Sau một thời gian chung sống hòa thuận vợ chồng anh lại nảy sinh mâu thuẫn vào tháng 10 năm 2019. Nguyên nhân do anh thấy người đàn ông khác nhắn tin cho chị T nên đã ghen, nghi ngờ chị T ngoại tình, trong lúc vợ chồng xô xát anh đã đánh chị T nên cuộc sống vợ chồng tiếp tục căng thẳng, anh chị sống ly thân từ đó và chị T xin ly hôn với anh. Tuy nhiên, anh nhận thấy những mâu thuẫn đó không có gì lớn, việc ly hôn sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của các con. Anh rất hối hận do bản thân trong lúc nóng tính không kìm chế đã đánh chị T, anh cảm thấy có lỗi với chị T và mong chị T cho anh cơ hội sửa đổi, vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng để tiếp tục xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ, cùng nhau chăm sóc, nuôi dạy con cái. Anh không nhất trí ly hôn với chị T.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị T có hai con chung là Triệu Thanh T1, sinh ngày 13/5/2007 và Triệu Thanh L, sinh ngày 02/10/2014. Nếu phải ly hôn anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Triệu Thanh T1, nhất trí để chị T nuôi dưỡng cháu L. Mỗi người nuôi dưỡng một con nên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản và nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. *Ý kiến của con chung trên 07 tuổi*: Tại biên bản lấy lời khai cháu Triệu Thanh T1 trình bày có nguyện vọng được mẹ là Tô Thị T trực tiếp nuôi dưỡng trong trường hợp bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Triệu Văn D; chị xác định từ khi chị có yêu cầu ly hôn đến thời điểm hiện nay anh D tính tình không thay đổi, không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Về con chung, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 266, 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về *mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” của chị Tô Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Tô Thị T được ly hôn với anh Triệu Văn D. Không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của anh Triệu Văn D.

- Về con chung: Giao cháu Triệu Thanh T1, sinh ngày 13/5/2007 cho anh Triệu Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Triệu Thanh L, sinh ngày 02/10/2014 cho chị Tô Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Triệu Văn D và chị Tô Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp thay đổi nuôi con đương sự yêu cầu bằng vụ án khác.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Triệu Văn D và chị Tô Thị T đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Tô Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn) theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Tô Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa giải quyết việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với anh Triệu Văn D; Anh Triệu Văn D có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã H, huyện C, tỉnh T. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Tô Thị T và anh Triệu Văn D có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 12/7/2016 tại UBND xã H, huyện C, tỉnh T nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Lời khai của chị T và anh D đều xác định anh chị đã phát sinh mâu thuẫn vào năm 2013 đến năm 2019 mâu thuẫn trở nên trầm trọng, anh chị sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay, chị T xin ly hôn với anh D.

Quá trình xác minh tại thôn N, xã H và tại Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện C, tỉnh T (nơi làm việc của anh D) cho thấy: Giữa anh D và chị T xảy ra mâu thuẫn đánh chửi nhau năm 2013, anh D đã dỡ ngôi nhà gỗ vợ chồng đang ở tại thôn N, xã H chuyển đến tạo dựng nơi ở tại xã T, huyện C. Sau khi chị T sinh con thứ hai anh chị trở lại đoàn tụ, tiếp tục chung sống đến năm 2019 tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân những lần mâu thuẫn đều do anh D không tin tưởng vợ, ghen tuông dẫn đến vợ chồng cãi chửi, xô xát với nhau, anh D có hành vi đánh chị T.

Hội đồng xét xử xét thấy sự việc anh D đánh chị T do nghi ngờ vợ ngoại tình và dỡ ngôi nhà cả gia đình đang sinh sống đủ cho thấy thời điểm năm 2013 mâu thuẫn giữa anh chị đã rất trầm trọng, tuy nhiên chị T đã cho anh D cơ hội sửa đổi để đoàn tụ, nhưng D không thay đổi, hay nghi ngờ vợ ngoại tình, trong lúc cãi vã, xô xát tiếp tục có hành vi đánh chị T dẫn đến mâu thuẫn không thể hàn gắn, chị T xin ly hôn với anh D. Tuy anh D không nhất trí ly hôn và có nguyện vọng đoàn tụ với chị T nhưng nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh D thực tế đã không tồn tại từ cuối năm 2019 đến nay; cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh D có nguyện vọng được đoàn tụ sống chung với chị T nhưng không có biện pháp, giải pháp níu kéo, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị Tô Thị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Triệu Văn D.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị T, anh D sinh được 02 con chung, tên là Triệu Thanh T1, sinh ngày 13/5/2007 và Triệu Thanh L, sinh ngày 02/10/2014. Chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi hai con. Anh D có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T1, nhất trí để chị T nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng, nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung của cả hai đương sự đều chính đáng. Do vậy, cần đánh giá, so sánh điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của cả hai bên đương sự, để quyết định người trực tiếp nuôi dưỡng con, nhằm đảm bảo sự phát triển toàn diện và quyền lợi mọi mặt của các cháu. Theo kết quả xác minh tại thôn N, xã H, huyện C, tỉnh T thì chị T có nghề nghiệp làm ruộng, mức thu nhập bình quân của một người làm ruộng tại thôn là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) một tháng. Kết quả xác minh tại Trung Tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện C, tỉnh T cho thấy anh D là viên chức của Trung Tâm, hưởng lương từ ngân sách Nhà nước, mức lương một tháng tính theo hệ số lương cơ bản 1.490.000 đồng là 5.767.856 đồng (*Năm triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm năm mươi sáu đồng*). Anh D có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu T1, cháu T1 có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, nhưng với mức thu nhập của chị T hiện nay chưa đảm bảo việc nuôi dưỡng cả hai con, cháu L còn nhỏ nên cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ. Xét điều kiện thực tế, để đảm bảo về quyền lợi, sự phát triển mọi mặt của cháu T1, cháu L Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Triệu Thanh T1 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Triệu Thanh L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh Triệu Văn D và chị Tô Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tô Thị T và anh Triệu Văn D đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Tô Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” của chị Tô Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tô Thị T được ly hôn với anh Triệu Văn D. Không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của anh Triệu Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Triệu Thanh T1, sinh ngày 13/5/2007 cho anh Triệu Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Triệu Thanh L, sinh ngày 02/10/2014 cho chị Tô Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Tô Thị T, anh Triệu Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Tô Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002706, ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa. Anh Triệu Văn D không phải chịu tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Tô Thị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 14/9/2020.

Anh Triệu Văn D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã H, huyện C, tỉnh T;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phúc An Hoành

